TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1194/2019/KDTM-PT
Ngày: 17/12/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:
Bà Vũ Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2019/TLPT-KDTM ngày 05/9/2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án sơ thẩm số 15/2019/KDTM-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5737/2019/QĐ – PT ngày26/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q
Địa chỉ: 28C-28D phố B, phường H, quận H, quận H, thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Khánh H (có mặt); địa chỉ: 175 đường K, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T
Địa chỉ: Lô B10 Cụm công nghiệp N, Ấp 5, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Tường V (vắng mặt), chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, địa chỉ thường trú: 49/2A đường P, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ khác: 77/8A Hẻm A, đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1941 (có yêu cầu vắng mặt);

2. Ông Sơn Hoàng T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1996 (vắng mặt);

4. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1994 (vắng mặt);

5. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 654/24 (số mới 652/49) Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Trần Tấn T1, sinh năm 1972 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: 402 Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Trương Thị Tường V, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 77/8A Hẻm A, đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2012 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q (tên cũ Ngân hàng TMCP N, sau đây viết tắt là Ngân hàng Q) và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ngân hàng Q cho Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại - Cung cứng lao động và may mặc T (sau đây viết tắt là Công ty Tường V) vay tín dụng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0079/TDHM ngày 21/8/2009 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0079-01/HĐTDBS ngày 23/10/2009, số 0079-02/HĐTDBS ngày 30/3/2010, số 0079-03/HĐTDBS ngày 27/7/2010.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 0079-06/11/HĐTD/101- 06 ngày 29/10/2011. Số tiền vay 22.000.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất 24.62%/năm (điều chỉnh sau 03 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 0,1%/ngày, trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

Ngày 05/12/2011, Công ty Tường V tiếp tục ký giấy đề nghị vay kiêm hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với số tiền vay là 411.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 24,62%/năm, trả gốc và lãi cuối kỳ.

Để bảo đảm các khoản vay, Công ty Tường V đã thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật như sau:

1. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 1, diện tích đất và diện tích xây dựng 117,8m^2, diện tích sử dụng 265,9m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 654/24 đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ

Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số 0079/HĐTC ngày 23/10/2009.

2. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng 77,97m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 15 Đường D52, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số 0080/HĐTC ngày 30/3/2010.

3. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 110-3, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng 73m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 134/6A đường H, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số 0080/HĐTC ngày 30/3/2010.

4. Căn hộ chung cư tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 88, diện tích 59,5m^2, tọa lạc tại địa chỉ số 705 chung cư 21 tầng –DII-I, TT C, Phường 10, thành phố Vũng Tàu, do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số 0079-4/10/HĐTC ngày 26/7/2010.

5. Quyền sử dụng đất thửa đất số 115, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.933,3m^2, tọa lạc tại địa chỉ 118 Khu phố 7, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang do công ty TNHH Bảo Minh là chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số 28.09.009 - 1/HĐTC ngày 26/10/2010.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, Ngân hàng Q thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý đối với các tài sản đảm bảo như sau:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 115, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.933,3m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 118 Khu phố 7, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang do công ty TNHH Bảo Minh là chủ sở hữu, theo hợp đồng số 28.09.009 -1/HĐTC ngày 26/10/2010;

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng 77,97m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 15 Đường D52, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp số 0080/HĐTC ngày 30/3/2010;

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 110-3, tờ bản đồ số 8, diện tích sử dụng 73m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 134/6A đường H, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo Hợp đồng thế chấp số 0080/HĐTC ngày 30/3/2010.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Tường V trả cho Ngân hàng Q tiền gốc là 6.500.000.000đồng của 02 hợp đồng và 410.292.300đồng tiền lãi;

Nay Ngân hàng Q yêu cầu Công ty Tường V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là 77.147.411.354đồng, bao gồm nợ gốc 15.911.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 2.601.071.887đồng, nợ lãi quá hạn: 51.955.592.839đồng; tiền lãi phạt: 6.679.746.628đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/7/2019 đến khi Công ty Tường V trả dứt nợ cho Ngân hàng. Nếu Công ty

Tường V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Q yêu cầu được phát mãi tải sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trần Tấn Tài trình bày tại bản tự khai ngày 06/11/2017 như sau: Ông có thuê căn nhà tại địa chỉ 652/49 (số cũ 654/24) đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng Công ty TNHH TM May mặc T. Ông chỉ là người thuê căn nhà của bà Trương Thị Tường V. Ông không biết và liên quan gì đến vụ tranh chấp giữa bà Vân với Ngân hàng Q.

- Ông Trần Ngọc Đ trình bày tại bản tự khai ngày 06/11/2017 như sau: Ông đang tạm trú tại căn nhà địa chỉ 652/49 (số cũ 654/24) đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông làm công việc giữ xe cho Công ty TNHH TM May mặc T. Ông không biết và liên quan gì đến vụ tranh chấp giữa bà Vân với Ngân hàng Q.

- Bà Trương Thị Tường V, ông Sơn Hoàng Tuấn, bà Lê Thị Hằng, bà Phạm Thị Lành, bà Phạm Thị Hiền: Vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty Tường V phải trả lãi phạt.

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2019/KDTM-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q:

Buộc Công ty Tường V trả cho Ngân hàng Q số tiền 77.147.411.354đồng, bao gồm: nợ gốc 15.911.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 2.601.071.887đồng; nợ lãi quá hạn: 51.955.592.839đồng; tiền lãi phạt: 6.679.746.628đồng.Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Sau khi Công ty Tường V thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng Q có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Tường V bản chính các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 435255, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00448 cấp ngày 06/7/2010 cho bà Trương Thị Tường V;

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1637/2003 ngày 20/3/2003 cấp cho ông Nguyễn Đức Long và bà Dương Thị Sửu, đăng ký biến động ngày 16/10/2007 cho bà Trương Thị Tường V.

Trường hợp Công ty Tường V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ thì Ngân hàng Q có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản chế chấp sau:

1. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 1, diện tích đất và diện tích xây dựng 117,8m^2, diện tích sử dụng 265,9m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 654/24 đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp số 0079/HĐTC ngày 23/10/2009;

2. Căn hộ chung cư tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 88, diện tích 59,5m^2, tọa lạc tại địa chỉ: 705 chung cư 21 tầng –DII-I, TT C, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp số 0079-4/10/HĐTC ngày 26/7/2010.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/8/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 08/QĐKNPT - VKS - DS như sau:

Trong Hợp đồng tín dụng số 0079/TDHM ngày 21/8/2009, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0079-01/HĐTDBS ngày 23/10/2009, số 0079-02/HĐTDBS ngày 30/3/2010, số 0079-03/HĐTDBS ngày 27/7/2010 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 0079-06/11/HĐTD/101- 06 ngày 29/10/2011, các bên có thỏa thuận phí phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày. Tại khoản 5, khoản 6 Điều 8 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 0079-06/11/HĐTD/101- 06 ngày 29/10/2011 có thỏa thuận: "Nếu bên B chậm trả lãi vay quá 5 ngày thì bên B phải trả thêm cho bên A phía phạt chậm trả lãi bằng (=) 150% lãi suất vay". Việc thỏa thuận của các bên nêu trên là phạt chồng phạt và lãi chồng lãi.

Theo Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/2/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

"Đối với hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 thì lãi được xác định bao gồm: Một là, lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả… Hai là, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả…"

"Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn".

Việc Ngân hàng Q yêu cầu Công ty T thanh toán khoản tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 23/7/2019 là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận đối với phần Ngân hàng Q yêu cầu Công ty T thanh toán khoản tiền lãi chậm trả đến ngày 23/7/2019.

***Tại phiên tòa phúc thẩm**:*

Nguyên đơn là Ngân hàng Q có đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Khánh H trình bày:

Số tiền lãi phạt mà Ngân hàng Q yêu cầu Công ty T thanh toán là số tiền lãi phạt trên số tiền lãi chưa thanh toán theo thỏa thuận của các bên theo hợp đồng là 6.679.746.628đồng, mức lãi phạt chậm trả là 0,1%/ngày.

Phía Ngân hàng Q không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có ông Sơn Hoàng T, bà Lê Thị H, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị H2 và bà Trương Thị Tường V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định kháng nghị và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn kháng nghị phúc thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần tuyên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Q, buộc Công ty T thanh toán khoản tiền lãi chậm trả đến ngày 23/7/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ngân hàng Q xác nhận tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tổng cộng là 77.147.411.354đồng, bao gồm: Nợ gốc là 15.911.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 2.601.071.887đồng, nợ lãi quá hạn là 51.955.592.839đồng và lãi phạt là 6.679.746.628đồng là số tiền lãi phạt trên số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phạt 6.679.746.628đồng là không phù hợp với quy định tại theo Điều 8, Điều 9 và Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/2/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đối với phần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phạt.

Phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Án phí: Nguyên đơn và bị đơn chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147; Điều 148; Điều 296; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự dân sự;

Căn cứ Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 342; Điều 348, Điều 349; Điều 361 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 11; Điều 26; khoản 2 Điều 29; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/2/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q:

Buộc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 70.467.664.726đồng (bảy mươi tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng), bao gồm: Nợ gốc là 15.911.000.000đồng (mười lăm tỷ chín trăm mười một triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 2.601.071.887đồng (hai tỷ sáu trăm lẻ một triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 51.955.592.839đồng (năm mươi mốt tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai ngàn tám trăm ba mươi chín đồng).

Không chấp nhận đối với phần Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T trả tiền lãi phạt là 6.679.746.628đồng (sáu tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phù hợp quy định pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị như sau:

Sau khi Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T bản chính các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 435255, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00448 cấp ngày 06/7/2010 cho bà Trương Thị Tường V;

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1637/2003 ngày 20/3/2003 cấp cho ông Nguyễn Đức Long và bà Dương Thị Sửu, đăng ký biến động ngày 16/10/2007 cho bà Trương Thị Tường V.

Trường hợp Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản chế chấp sau:

1. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 1, diện tích đất và diện tích xây dựng 117,8m^2, diện tích sử dụng 265,9m^2, tọa lạc tại địa chỉ 654/24 đường C, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp số 0079/HĐTC ngày 23/10/2009;

2. Căn hộ chung cư tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 88, diện tích 59,5m^2, tọa lạc tại địa chỉ số 705 chung cư 21 tầng –DII-I, TT C, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do bà Trương Thị Tường V là chủ sở hữu, theo hợp đồng thế chấp số 0079-4/10/HĐTC ngày 26/7/2010.

Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP Quốc Dân phải chịu án phí sơ thẩm là 114.679.477đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi bảy đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 68.639.596đồng theo biên lai số 01661 ngày 17/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP Quốc Dân còn phải nộp án phí sơ thẩm là 46.039.881đồng.

- Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại – Cung ứng lao động và may mặc T chịu án phí sơ thẩm là 178.467.665đồng (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị là trường hợp không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phong